

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày: 06-4-2022

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ- TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bé

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đông.

2. Ông Bùi Tinh

- Thư Ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa - Ông Ngô Minh Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị B, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 15 H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Văn C, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị B trình bày:

Do quen biết qua việc mua bán bảo hiểm nên bà Phan Thị B có cho bà Nguyễn Thị K vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, việc vay tiền có lập “Hợp đồng mượn tiền” và được Văn phòng công chứng Q công chứng ngày 03/12/2018. Thời hạn vay tiền là 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng được công chứng, mục đích vay tiền để bà K trả tiền bảo hiểm, việc vay tiền không lãi suất. Để làm tin, bà Nguyễn Thị K có

giao cho bà Phan Thị B 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1450, tờ bản đồ 19 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/10/2016, số GCN: BQ 947285, đứng tên ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị K, không đăng ký thế chấp. Bà B đã giao và bà K đã nhận đủ tiền vay. Quá trình vay, bà K đã thanh toán cho bà B được số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng qua tài khoản ngân hàng. Số tiền còn lại 98.000.000 đồng bà B nhiều lần yêu cầu bà K trả nhưng bà K không trả. Đây là nợ riêng của bà K nên bà B yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà K trả số tiền còn nợ cho bà B là 98.000.000 đồng, bà B không yêu cầu tính lãi.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K trình bày:* Bà thừa nhận có vay của bà Phan Thị B số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, có lập “Hợp đồng mượn tiền” và được Văn phòng công chứng Q công chứng ngày 03/12/2018, thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng được ký công chứng, mục đích vay để trả tiền bảo hiểm, bà có giao cho bà B 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1450, tờ bản đồ 19 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 05/10/2016, số GCN: BQ 947285, đứng tên ông Hồ Văn C (chồng bà). Ngoài “Hợp đồng mượn tiền” này thì bà có viết giấy mượn viết tay có nội dung giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B. Theo “Hợp đồng mượn tiền” thì việc vay này không có lãi, tuy nhiên thực tế mỗi tháng bà trả cho bà B 6.000.000 (sáu triệu) đồng tiền lãi, đã trả lãi từ thời điểm vay đến tháng 9/2019, sau đó không trả đủ 6.000.000 đồng mỗi tháng mà có tháng trả tháng không, mỗi tháng trả một đến hai triệu đồng, bà không xác định được số tiền lãi và thời gian trả lãi cụ thể đã trả cho bà B. Từ tháng 3/2021 đến tháng 5/2021 bà có chuyển khoản cho bà B 02 lần, mỗi lần 1.000.000 (một triệu) đồng, tổng cộng 2.000.000 (hai triệu) đồng, những lần trả tiền lãi trước đều trả tiền mặt và bà không có giấy tờ gì chứng minh việc trả lãi cho bà B. Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng, bà xác định còn nợ lại tiền gốc của bà B 98.000.000 đồng, nhưng do bà B nhận lãi bà đã trả nhiều nên bà đề nghị bà B giảm cho bà một phần nợ gốc; đối với tiền lãi đã trả cho bà B bà không có ý kiến gì. Và đây là nợ riêng của bà, không liên quan gì đến ông C, việc bà đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng bà cho bà B, ông C không hề hay biết, sau này ông C mới biết.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn C trình bày:* Ông không biết việc vợ ông - bà Nguyễn Thị K có vay tiền bà Phan Thị B, tiền vay bà K không sử dụng vào sinh hoạt gia đình nên đây là nợ riêng của bà K, ông không có liên quan. Khi vay tiền bà K giao cho bà B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1450, tờ bản đồ 19 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 5/10/2016, số GCN: BQ 947285, đứng tên ông và bà Nguyễn Thị K sau này ông mới biết, nay bà B khởi kiện yêu cầu bà K thanh toán nợ ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1450, tờ bản đồ 19 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 5/10/2016, số GCN: BQ 947285, đứng tên ông và bà K, bà B đã trả lại cho ông và ông đã nhận nên ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc

chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Phan Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị K trả nợ tiền vay; bà Nguyễn Thị K có địa chỉ cư trú tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Bà Phan Thị B có cho bà Nguyễn Thị K vay số tiền 100.000.000 đồng, việc vay tiền có lập “Hợp đồng mượn tiền”, hợp đồng đã được Văn phòng công chứng Q công chứng ngày 03/12/2018; bà K đã nhận đủ số tiền vay 100.000.000 đồng từ bà B; hiện nay bà K còn nợ lại bà B số tiền 98.000.000 đồng. Khoản nợ này là nợ cá nhân bà K với bà B. Nội dung thừa nhận của các đương sự phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định nội dung các đương sự thừa nhận là tình tiết không phải chứng minh.

[2.2] Hợp đồng vay tiền có tựa đề “Hợp đồng mượn tiền” giữa bà Phan Thị B và bà Nguyễn Thị K được Văn phòng công chứng Q công chứng ngày 03/12/2018, khi giao kết hợp đồng các bên đều tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên Hợp đồng này hợp pháp và phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B thừa nhận bà K có trả cho bà B (trả bằng hình thức chuyển khoản) số tiền 2.000.000 đồng nên bà K còn nợ bà B số tiền là 98.000.000 đồng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, thời hạn vay tiền là 15 ngày, kể từ ngày hợp đồng được công chứng (ngày 03/12/2018). Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại bà K chưa trả hết nợ vay cho bà B là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 278 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, bà B yêu cầu bà K trả toàn bộ số tiền nợ vay còn lại là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Đối với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị K yêu cầu bà Phan Thị B giảm bớt số nợ gốc cho bà K vì cho rằng trong quá trình vay bà K đã trả cho bà B tiền lãi nhiều lần, mỗi lần trả số tiền 6.000.000 đồng, trả từ thời điểm vay đến tháng 9/2019, sau đó không trả đủ 6.000.000 đồng mỗi tháng mà có tháng trả tháng không, mỗi tháng trả một đến hai triệu đồng, trả lãi bằng tiền mặt, nhưng bà không xác định được tổng số tiền lãi đã trả. Xét thấy, bà K không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi cho bà B, số tiền lãi đã trả, lời trình bày của bà K không được bà B thừa nhận và bà B cũng không đồng ý giảm nợ gốc cho bà K nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản tranh chấp là: $98.000.000 \times 5\% = 4.900.000$ (Bốn triệu chín trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 278, 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị B số tiền nợ vay là 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Phan Thị B có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị K không trả khoản tiền trên thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 4.900.000 (Bốn triệu chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/4/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VBSND tp. Tam kỳ;
- Chi cục THADS tp. Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Bé

